TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 251/2020/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú, ngày 15 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 236/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1978;

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: 73/8 Đỗ Công Tường, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Th và bà H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2014, quyển số 01/2014 ngày 08/02/2014 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, tuy nhiên những năm gần đây giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được do tính cách và quan điểm sống không phù hợp. Nay nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cả hai yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Th, bà H xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Linh S, sinh ngày 19/5/2014 và Nguyễn Đức Tiến Đ, sinh ngày 24/8/2015. Ông bà thỏa thuận ông Th trực tiếp nuôi 02 con chung, ông Th không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Ông Th và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Ông Th và bà H xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức Th và bà Phạm Thị H thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Đức Th và bà Phạm Thị H chấm dứt (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2014, quyển số 01/2014 ngày 08/02/2014 của Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về quan hệ con chung: Ông Th trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Linh S, sinh ngày 19/5/2014 và Nguyễn Đức Tiến Đ, sinh ngày 24/8/2015. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà H do ông Th không yêu cầu.

+ Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nuôi con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi cần thiết, ông Th có quyền yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Th và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông Th và bà H cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do ông Th và bà H chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông Th và bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0020738 ngày 27/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Đương sự đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tuyết Nhung